

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN - TNHH MTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11



ĐC: 205 Lạc Long Quân - P 3 - Q 11 - TP. HCM

ĐT: (028) 39634001 – 39634888 - 39634999

Fax : (028) 39636786 – res11@diaoc11.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

Số : 05 /D11-CBTT

V/v: Báo cáo tài chính Quý 4.2022

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Cổ phần Địa ốc 11
2. Mã chứng khoán: D11
3. Địa chỉ trụ sở chính: 205 Lạc Long Quân, Phường 03, Quận 11, TP.HCM
4. Điện thoại: 028.39634001 - 028.39634888 Fax: 028.39636186
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Khắc Giang
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý 4.2022.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung của thông tin công bố:
www.diaoc11.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Khắc Giang



Tp Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Địa ốc 11 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. BCTC quý 4/2022

- BCTC quý 4/2022 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?



Có



Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:



Có



Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?



Có



Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



Có



Không

2. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2021 đến thời điểm này nếu có):

- Nội dung giao dịch:

- Đối tác giao dịch:
- Tỷ lệ giao dịch (*giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Giang

Số : 01 / D11-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

V/v : giải trình kết quả lợi nhuận sau thuế quý
04/2022 so với quý 04/2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11**
2. Mã chứng khoán: D11
3. Địa chỉ trụ sở chính: 205 Lạc Long Quân, phường 03, Quận 11
4. Điện thoại: 08- 3974.0179 Fax: 08- 3974.0178
5. Người thực hiện công bố thông tin: Mr Giang
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính quý 04 năm 2022
 - 6.2. Nội dung giải trình : Chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 04/2022 tăng 5.672,18% so với quý 04/2021 (tương đương tăng 7.588.452.635 đ) là do :

ĐVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Quý 04/2022	Quý 04/2021	Chênh lệch	Tỷ lệ
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(3)/(2)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.381.854.762	18.734.924.941	20.646.929.821	110,21%
Chi phí giá vốn hàng bán	23.858.295.578	16.948.011.230	6.910.284.348	40,77%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.722.236.420	133.783.785	7.588.452.635	5.672,18%

- Kết quả lợi nhuận sau thuế quý 04/2022 tăng so với quý 04/2021 là do: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 110,21% trong khi chi phí giá vốn hàng bán chỉ tăng 40,77% như bảng tính trên.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: diaoc11.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UOQBTT



Trần Thị Kim Huệ

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11
Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân - phường 3 - Quận 11
Tel: 38587107 Fax: 39636186

Báo cáo tài chính
Quý 4 năm tài chính 2022
Mẫu số

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 04 NĂM 2022

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.381.854.762	18.734.924.941	133.912.266.117	298.505.534.233
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		39.381.854.762	18.734.924.941	133.912.266.117	298.505.534.233
4. Giá vốn hàng bán	11		23.858.295.578	16.948.011.230	87.702.229.220	223.190.698.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.523.559.184	1.786.913.711	46.210.036.897	75.314.835.634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		(246.813.977)	1.256.867.286	957.217.863	4.078.729.695
7. Chi phí tài chính	22		770.284.293	(6.627.779)	5.160.808.470	4.520.972.652
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	1.794.213.084	4.527.600.431
8. Chi phí bán hàng	24		770.785.020	295.623.882	2.191.669.768	1.967.536.377
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.968.363.265	2.597.558.513	12.476.530.475	16.250.423.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (24+25))	30		9.767.312.629	157.226.381	27.338.246.047	56.654.633.124
11. Thu nhập khác	31		-	1.102.160	(16.479.992)	30.877.411
12. Chi phí khác	32		-	4	-	(12.006.782)
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	1.102.156	(16.479.992)	42.884.193
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.767.312.629	158.328.537	27.321.766.055	56.697.517.317
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.045.076.209	24.544.752	5.509.044.125	11.266.126.232
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.722.236.420	133.783.785	21.812.721.930	45.431.391.085
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		1.179	20	2.643	5.737
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71		1.052	18	2.360	5.123

Người lập biểu



Hồ Thị Tuyền

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Yến Nhi

TPHCM, ngày 17 tháng 01 năm 2023
Tổng Giám Đốc




Trần Thị Kim Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 04

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237.577.209.622	254.063.557.077
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.235.940.496	26.698.129.405
1. Tiền	111		2.047.471.258	5.512.907.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.188.469.238	21.185.221.514
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.129.628.000	15.972.926.270
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	10.838.309.426	9.969.350.470
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(3.708.681.426)	(996.424.200)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	-	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.482.429.428	141.436.931.086
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	39.223.986.907	45.859.768.333
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.550.091.695	29.687.956.414
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	1.600.000.000	1.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	116.108.350.826	64.289.206.339
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		31.586.926.114	69.478.202.497
1. Hàng tồn kho	141	V.7	31.586.926.114	69.478.202.497
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		142.285.584	477.367.819
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		142.285.584	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	403.150.155
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	74.217.664
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán quý 04 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.550.632.663	111.656.037.012
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.973.634.460	4.244.676.648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.973.634.460	4.244.676.648
- Nguyên giá	222		6.738.295.907	6.738.295.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.764.661.447)	(2.493.619.259)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	102.490.721.867	106.642.241.663
- Nguyên giá	231		115.914.357.511	115.914.357.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.423.635.644)	(9.272.115.848)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.086.276.336	769.118.701
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.086.276.336	769.118.701
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		345.127.842.285	365.719.594.089

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán quý 04 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		161.768.055.476	199.390.120.920
I. Nợ ngắn hạn	310		136.383.085.699	178.115.644.103
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.140.930.970	7.400.613.690
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	31.482.707.219	28.827.228.212
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.202.535.331	231.880.072
4. Phải trả người lao động	314	V.14	8.378.364.046	7.975.593.310
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	43.220.803.691	44.253.029.913
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		210.000.000	69.435.484
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	9.730.879.628	14.217.159.437
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	9.920.539.223	59.746.834.967
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.806.142.325	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	18.290.183.266	15.393.869.018
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25.384.969.777	21.274.476.817
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	15.365.032.483	16.226.429.483
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	10.019.937.294	5.048.047.334
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán quý 04 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.359.786.809	166.329.473.169
I. Vốn chủ sở hữu	410		183.359.786.809	166.329.473.169
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	65.519.650.000	65.519.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.519.650.000	65.519.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	76.667.175.342	66.010.814.377
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	7.183.838.355	6.118.202.258
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	33.989.123.112	28.680.806.534
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.680.806.534	28.680.806.534
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.308.316.578	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		345.127.842.285	365.719.594.089

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023


Hồ Thị Tuyền
 Người lập


Huỳnh Thị Yến Nhi
 Kế toán trưởng


Trần Thị Kim Huệ
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 04 NĂM 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.321.766.055	56.697.517.317
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	4.422.561.984	4.422.561.984
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, V.19	12.490.289.511	662.720.522
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(550.597.887)	(2.533.303.623)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.794.213.084	3.524.548.452
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.478.232.747	62.774.044.652
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.544.602.745)	31.761.437.400
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		37.891.276.383	170.805.229.002
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(761.009.189)	(246.802.497.179)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(459.443.219)	2.619.595.478
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(868.958.956)	(9.969.350.470)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(2.408.175.534)	(4.186.728.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(4.604.188.719)	(12.648.415.468)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18, V.20	(1.886.094.042)	(3.066.222.770)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.837.036.726	(8.712.908.035)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(38.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b	7.000.000.000	69.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	527.070.109	2.533.303.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.527.070.109	33.033.303.623

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 04 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	18.309.652.996	3.932.742.742
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(68.135.948.740)	(84.163.850.380)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>(49.826.295.744)</u>	<u>(80.231.107.638)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		(13.462.188.909)	(55.910.712.050)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	26.698.129.405	82.608.841.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u>13.235.940.496</u>	<u>26.698.129.405</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023


Hồ Thị Tuyền
 Người lập


Huỳnh Thị Yến Nhi
 Kế toán trưởng


Trần Thị Kim Huệ
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Địa ốc 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng nhà ở; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng; Dịch vụ cho thuê nhà ở, xưởng, kho bãi; Dịch vụ giữ xe; Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này của Công ty tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do Công ty đã ghi nhận phần lớn doanh thu xây dựng và bàn giao các căn hộ của dự án Cao ốc Thoại Ngọc Hầu – Resgreen Tower.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 106 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 137 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính quý 04.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính quý 04.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

- khoản ra công chứng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.
 - Đối với trái phiếu Chính phủ: giá trái phiếu bình quân các mức giá được nhà tạo lập thị trường cam kết chào giá chắc chắn trong phiên chào giá theo quy định tại Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán; các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung hoặc thay thế nếu có. Trường hợp không có mức giá chào cam kết chắc chắn, giá trái phiếu là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.
 - Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp: giá trái phiếu đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính như sau:

- Đối với nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế đích danh được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí bảo trì. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 15
Máy móc, thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	06
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Các khoản dự phòng công trình xây dựng

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng tối đa 05% trên quyết toán chi phí nhưng không quá 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty chính là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	521.226.624	2.046.930.137
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.526.244.634	3.465.977.754
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	11.188.469.238	21.185.221.514
Cộng	13.235.940.496	26.698.129.405

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

2a. Chứng khoán kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	6.267.525.358	3.600.000.000	(2.667.525.358)	7.260.424.250	6.264.000.000	(996.424.200)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thẻ giới Di động	-	-	-	2.708.926.220	2.718.000.000	-
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	580.580.000	753.250.000				
Ngân hàng TMCP Phương Đông	802.465.423	540.000.000	(262.465.423)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3.187.738.645	2.409.048.000	(778.690.645)	-	-	-
Cộng	10.838.309.426	7.302.298.000	(3.708.681.426)	9.969.350.470	8.982.000.000	(996.424.200)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	996.424.200	-
Trích lập dự phòng bổ sung	2.712.257.226	996.424.200
Số cuối kỳ	3.708.681.426	996.424.200

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	4.959.622.082	10.851.547.237
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên	3.679.909.597	8.946.507.068
Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn	161.926.601	161.926.601
Các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt	1.117.785.884	1.743.113.568
Phải thu các khách hàng khác	34.264.364.825	35.008.221.096
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh	-	2.314.116.839
Khách hàng dự án Res 11	242.431.000	1.627.233.000
Khách hàng dự án Chung cư Nhà ở xã hội Thới Bình	4.172.376.566	6.306.403.413
Khách hàng dự án Res Green	20.571.092.938	16.299.571.046
Công trình Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn	4.519.204.537	4.519.204.537
Công ty TNHH TV Thiết kế XD Việt Á	2.309.310.359	
Các khách hàng khác	2.449.949.425	3.941.692.261
Cộng	39.223.986.907	45.859.768.333

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	27.400.514.406	27.400.514.406
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	27.400.514.406	27.400.514.406
Trả trước cho các người bán khác	1.149.577.289	2.287.442.008
Công ty TNHH Kinh doanh Sản xuất Xây dựng An Khang	-	1.368.387.910
Các nhà cung cấp khác	1.149.577.289	919.054.098
Cộng	28.550.091.695	29.687.956.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

- (i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn (là bên liên quan) về tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của dự án kinh doanh nhà ở Phường Phú Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn với lãi suất 11%/năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn với lãi suất 12%/năm	600.000.000	600.000.000
Cộng	1.600.000.000	1.600.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>110.071.887.232</i>	-	<i>57.758.631.708</i>	-
Ông Dư Thân Danh và Ông Nguyễn Khắc Giang - Tiền ủy thác chuyển nhượng quyền sử dụng đất	56.374.785.000	-	56.374.785.000	-
Ông Lê Thành Nhơn - Tiền ủy thác chuyển nhượng quyền sử dụng đất	52.352.109.046	-	-	-
Cá nhân có quan hệ mật thiết với thành viên chủ chốt	1.161.894.963	-	1.224.276.263	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn - Lãi chậm thanh toán	35.166.259	-	35.166.259	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn - Lãi cho vay	36.098.630	-	36.098.630	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn - Lãi cho vay	111.833.334	-	88.305.556	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.036.463.594</i>	-	<i>6.530.574.631</i>	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.000.000.000	-	3.767.200.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	224.984.332	-	94.750.231	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	2.146.362.574	-	62.586.707	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.665.116.688	-	2.606.037.693	-
Cộng	116.108.350.826	-	64.289.206.339	-

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	71.133.618	-	334.300.174	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.515.792.496	-	69.143.902.323	-
Cộng	31.586.926.114	-	69.478.202.497	-

8. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.361.833.635	690.000.000	686.462.272	6.738.295.907
Số cuối kỳ	5.361.833.635	690.000.000	686.462.272	6.738.295.907
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	803.412.869	-	686.462.272	1.489.875.141
Chờ thanh lý				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.350.423.365	456.733.622	686.462.272	2.493.619.259
	182.336.832	88.705.356	-	271.042.188
Khấu hao trong kỳ	1.532.760.197	545.438.978	686.462.272	2.764.661.447
Số cuối kỳ				
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.011.410.270	233.266.378	-	4.244.676.648
	3.829.073.438	144.561.022	-	3.973.634.460
Số cuối kỳ				
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

9. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	115.914.357.511	9.272.115.848	106.642.241.663
Khấu hao trong kỳ	-	4.151.519.796	-
Số cuối kỳ	115.914.357.511	13.423.635.644	102.490.721.867

Theo qui định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Cửa hàng 418 Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	3.279.769.109	1.250.393.355	2.029.375.754
Các tầng thương mại Cao ốc Res 11	41.046.793.454	6.567.486.959	34.479.306.495
Chung cư Nhà ở xã hội Thới Bình	24.253.661.755	1.819.024.650	22.434.637.105
Các tầng thương mại Cao ốc Res Green	47.334.133.193	3.786.730.680	43.547.402.513
Cộng	115.914.357.511	13.423.635.644	102.490.721.867

- (i) Công ty thế chấp Cửa hàng 418 Hồng Bàng, Phường 16, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (xem thuyết minh số V.17a).

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	10.525.126.957	3.459.711.868
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	7.360.413.699	3.691.166.057

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	79.250.003
Chi phí bảo trì	-	177.445.554
Công cụ, dụng cụ sử dụng cho Shophouse 7A Thoại Ngọc Hầu	717.857.957	304.524.879
Chi phí chờ phân bổ Cao ốc Thoại Ngọc Hầu	368.418.379	207.898.265
Cộng	1.086.276.336	769.118.701

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Euro Window	-	1.541.988.130
Công ty TNHH Đô Mi	-	779.269.924
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng & Kiểm định Liên Toàn Cầu	315.650.000	315.650.000
Công ty TNHH Giàn giáo Việt Xô	313.991.000	463.991.000
Công ty TNHH XD TM B.C.V	2.277.159.898	
Các nhà cung cấp khác	4.234.130.072	4.299.714.636
Cộng	7.140.930.970	7.400.613.690

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	9.391.302.812	5.687.000.000
Trả trước của các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt	9.391.302.812	5.687.000.000
Trả trước của các khách hàng khác	61.261.640.582	23.140.228.212
Các khách hàng trả trước cho dự án Phú Mỹ	4.730.000.000	4.730.000.000
Các khách hàng trả trước cho dự án Cao ốc Thoại Ngọc Hầu	13.337.253.059	754.000.000
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình TP. Thủ Đức	-	7.496.581.367
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 3 – Công trình Trường Mầm non 12	4.000.000.000	4.000.000.000
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 11 – Công trình Ủy ban mặt trận tổ quốc và Hội liên hiệp phụ nữ	-	6.022.073.000
Các khách hàng khác	24.151.348	137.573.845
Cộng	31.482.707.219	28.827.228.212

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	10.018.692.042	(8.798.347.199)	1.220.344.843	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	74.217.664	6.340.941.879	(4.549.304.958)	1.717.419.257	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-	845.635.337	(770.284.997)	75.350.340	-
Thuế thu nhập cá nhân	231.880.072	-	508.188.342	(550.647.523)	189.420.891	-
Tiền thuê đất	-	-	195.843.906	(195.843.906)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	14.205.130	(14.205.130)	-	-
Cộng	231.880.072	74.217.664	17.923.506.636	(14.878.633.713)	3.202.535.331	-

(*) Trong đó, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ hạch toán giảm quỹ lương phải trả người lao động với số tiền là 831.897.754 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu từ bán căn hộ nhà ở xã hội Thới Bình 05%
- Doanh thu từ các hoạt động khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thu nhập từ bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.321.766.055	56.697.517.317
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	41.995.014	59.515.457
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	27.363.761.069	56.757.032.774
Trong đó:		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản (thuế suất 20%)	23.524.672.481	38.953.325.831
- Hoạt động kinh doanh bất động sản (thuế suất 10%)	780.357.481	852.803.240
- Hoạt động kinh doanh khác	3.016.736.093	16.950.903.703

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	5.472.752.213	11.351.406.556
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(78.035.748)	(85.280.324)
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	114.327.660	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.509.044.125	11.266.126.232

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 131,1 m² tại 418 Hồng Bàng, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh và diện tích 115,7 m² tại 593 Bình Thới, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

Đơn giá tiền lương năm 2022 được tính theo đơn giá tiền lương kế hoạch được duyệt năm 2022 (đối với bộ phận gián tiếp) như sau:

- Đối với lĩnh vực xây lắp: trích từ thu nhập chịu thuế tính trước trên giá trị quyết toán (công trình do Công ty trúng thầu).
- Đối với lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng: 18,50 VND trên 1.000 VND doanh thu.
- Đối với lĩnh vực cho thuê nhà kho và hoạt động từ sản giao dịch: 157,56 VND trên 1.000 VND doanh thu.
- Đối với lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhà: 68,79 VND trên 1.000 VND doanh thu.
- Đối với lĩnh vực hoàn thiện căn hộ: 59,44 VND trên 1.000 VND doanh thu.
- Đối với lĩnh vực thiết kế, tư vấn và môi giới bất động sản là 157,56 VND trên 1.000 VND doanh thu.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí chuyển nhượng dự án An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	42.021.253.055	42.421.098.812
Trích trước chi phí bảo hành	183.656.853	183.656.853
Trích trước chi phí xây lắp Chung cư Thới Bình	797.839.925	990.296.290
Trích trước chi phí đầu tư Chung cư Thới Bình	-	610.727.958

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	218.053.858	47.250.000
Cộng	43.220.803.691	44.253.029.913

- (i) Khoản trích trước chi phí chuyển nhượng dự án An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Đây là khoản kinh phí hạ tầng chung đóng góp cho chủ đầu tư dự án để thực hiện hạ tầng trực chính khu 87 ha.

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.247.209.805	1.253.772.305
Phải trả các cá nhân có quan hệ mật thiết với các thành viên quản lý chủ chốt - tiền thi công cho đội	1.247.209.805	1.253.772.305
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	8.483.669.823	12.963.387.132
Ông Ung Nho Cường – Tiền thi công cho đội	2.240.977.288	1.924.227.288
Ông Nguyễn Quốc Học - Tiền thi công cho đội	-	1.557.415.153
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.187.138.000	743.300.000
Cổ tức phải trả	90.618.040	100.577.080
Kinh phí bảo trì thu hộ	-	6.748.631.180
Chi phí lãi vay phải trả	-	613.962.450
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.964.936.495	1.275.273.981
Cộng	9.730.879.628	14.217.159.437

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng - Nhận tiền ký quỹ cho thuê nhà	-	247.675.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Anh Ngữ APAX - Nhận tiền ký quỹ cho thuê nhà	-	733.162.500
Nhận ký quỹ cho thuê căn hộ Chung cư Thới Bình	13.844.365.301	13.844.365.301
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.520.667.182	1.401.226.182
Cộng	15.365.032.483	16.226.429.483

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan⁽ⁱ⁾	6.100.000.000	-
Ông Trần Hồng Phúc	3.000.000.000	-
Bà Trần Ngọc Như Quỳnh	-	-
Bà Nguyễn Thị Yến	1.400.000.000	-
Bà Trần Thị Kim Phụng	1.200.000.000	-
Ông Phạm Quốc Việt	500.000.000	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	3.820.539.223	59.746.834.967
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.820.539.223	1.109.495.218
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn ⁽ⁱⁱ⁾	3.820.539.223	690.802.418

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	418.692.800
Vay dài hạn đến hạn trả	-	58.637.339.749
Cộng	9.920.539.223	59.746.834.967

- (i) Các khoản vay cá nhân là bên liên quan đều không có tài sản đảm bảo dùng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng cầm cố thế chấp tài sản của công ty (xem thuyết minh số V.9) và Căn hộ 4.06 Cao ốc 107 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh do Bà Trần Ngọc Mỹ là chủ sở hữu.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.109.495.218	9.609.652.996	(6.898.608.991)	3.820.539.223
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	8.700.000.000	(2.600.000.000)	6.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	58.637.339.749	-	(58.637.339.749)	-
Cộng	59.746.834.967	18.040.620.681	(68.135.948.740)	9.920.539.223

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	8.400.337.294	2.131.272.193	(222.500.000)	10.309.109.487
Quỹ phúc lợi	5.241.508.911	1.065.636.097	(599.794.042)	5.707.350.966
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.752.022.813	1.300.000.000	(778.300.000)	2.273.722.813
Cộng	15.393.869.018	4.496.908.290	(1.600.594.042)	18.290.183.266

19. Dự phòng phải trả dài hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.048.047.334	5.381.751.012
Tăng do trích lập	10.073.029.694	-
Số sử dụng trong kỳ	(294.997.409)	(333.703.678)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(4.806.142.325)	-
Số cuối kỳ	10.019.937.294	5.048.047.334

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	65.519.650.000	43.545.118.830	3.871.632.703	16.184.250.167	129.120.651.700
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	45.431.391.085	45.431.391.085
Trích lập các quỹ	-	22.465.695.547	2.246.569.555	(31.451.973.766)	(6.739.708.664)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
trong kỳ					
Trích kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong kỳ	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Chi khác trong kỳ	-	-	-	(382.860.952)	(382.860.952)
Số dư cuối kỳ trước	65.519.650.000	66.010.814.377	6.118.202.258	28.680.806.534	166.329.473.169
Số dư đầu năm nay	65.519.650.000	66.010.814.377	6.118.202.258	28.680.806.534	166.329.473.169
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	21.812.721.930	3.795.238.666
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	10.656.360.965	1.065.636.097	(14.918.905.352)	(3.196.908.290)
Trích kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong kỳ	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Chi khác trong kỳ	-	-	-	(285.500.000)	(285.500.000)
Số dư cuối kỳ này	65.519.650.000	76.667.175.342	7.183.838.355	33.989.123.112	183.359.786.809

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	13.104.000.000	13.104.000.000
Các cổ đông khác	52.415.650.000	52.415.650.000
Cộng	65.519.650.000	65.519.650.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.551.965	6.551.965
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu phổ thông	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu phổ thông	6.551.965	6.551.965
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHCD ngày 05 tháng 4 năm 2022, Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau :

	Số được phân phối (VND)	Số đã trích trong năm trước (VND)	Số còn được trích trong kỳ này (VND)
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	26.885.729.494	26.885.729.494	-
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.041.074.281	5.041.074.281	-
• Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.680.358.093	1.680.358.093	-
• Trích kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị	500.000.000	500.000.000	-
• Trích thường Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành	600.000.000	600.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 5 năm 2022, Công ty lựa chọn hình thức phát hành thêm 12% cổ phiếu đang lưu hành để chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty cũng tạm phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền (VND)
- Trích kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	500.000.000
- Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	800.000.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10.656.360.965
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.196.908.290
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.065.636.097
Cộng	16.218.905.352

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 37,30 USD (số đầu năm là 50,50 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản	83.504.273.864	230.292.727.593
Doanh thu bán hàng hóa	-	4.370.221.645
Doanh thu hoạt động cho thuê kho, cửa hàng	11.129.136.290	6.850.950.642
Doanh thu hoạt động xây dựng	39.278.855.963	56.991.634.353
Cộng	133.912.266.117	298.505.534.233

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh bất động sản	49.586.782.138	176.627.438.042
Giá vốn hoạt động bán hàng hóa	-	4.290.838.431
Giá vốn của hoạt động cho thuê kho, cửa hàng	7.754.028.634	7.362.546.870
Giá vốn của hoạt động xây dựng	30.361.418.448	34.909.875.256
Cộng	87.702.229.220	223.190.698.599

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	527.070.109	2.533.303.623
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.645.847	19.231.443
Lãi cho vay	23.527.778	-
Lãi chậm thanh toán	276.400.349	1.526.194.629

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Lãi chuyển nhượng chứng khoán		67.073.780	-
Doanh thu tài chính khác		42.500.000	-
Cộng		957.217.863	4.078.729.695
4. Chi phí tài chính			
		Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay		1.794.213.084	3.524.548.452
Dự phòng giảm giá chứng khoán		2.712.257.226	996.424.200
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán		654.338.160	-
Cộng		5.160.808.470	4.520.972.652
5. Chi phí bán hàng			
Chi phí hoa hồng bán hàng.			
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên		10.273.485.117	13.676.529.742
Chi phí vật liệu, bao bì		68.768.035	33.731.664
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		155.403.401	150.071.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định		271.042.188	299.234.152
Phí, lệ phí		260.288.330	162.672.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài		167.816.653	660.862.368
Chi phí khác		1.279.726.751	1.267.321.242
Cộng		12.476.530.475	16.250.423.176
7. Lãi trên cổ phiếu			
7a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.812.721.930	45.431.391.085
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của HĐQT		(4.496.908.290)	(7.839.708.664)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		17.315.813.640	37.591.682.421
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ		6.551.965	6.551.965
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.643	5.737
7b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
		Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.812.721.930	45.431.391.085
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, kinh phí hoạt động của HĐQT		(4.496.908.290)	(7.839.708.664)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		17.315.813.640	37.591.682.421

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.338.200	7.338.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.360	5.123

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	6.551.965	6.551.965
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Cổ phiếu phổ thông phát hành chi trả cổ tức ^(*)	786.235	786.235
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.338.200	7.338.200

- (*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 5 năm 2022, Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với số lượng 786.235 cổ phiếu phát hành bằng mệnh giá.

7c. Thông tin khác

Lãi suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do dự kiến phát hành cổ phiếu phổ thông chi trả cổ tức năm 2020. Ảnh hưởng của việc phát hành này làm cho lãi suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 5.737 VND xuống còn 5.123 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.294.435.429	5.797.432.118
Chi phí nhân công	16.031.208.769	19.408.563.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.422.561.984	4.422.561.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.500.778.126	9.024.994.807
Chi phí khác	1.540.015.081	22.589.806.150
Cộng	40.788.999.389	66.243.358.881

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	9.413.481.283	6.329.456.200
Trên 01 năm đến 05 năm	23.763.710.620	14.328.077.640
Trên 05 năm	2.717.825.000	-
Cộng	35.895.016.903	20.657.533.840

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ứng trước tiền mua nhà	3.704.302.812	2.319.579.507
Chuyển tiền ủy thác đầu tư	52.352.109.046	-
Nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng	90.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.6, V.12, V.16a và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Phụ cấp	Thưởng	Thu nhập thực nhận
Kỳ này				
Ông Lê Thành Nhơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	201.000.000	201.000.000
Bà Trần Thị Kim Huệ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	4.614.590	3.275.000	244.240.000	252.129.590
Ông Nguyễn Khắc Giang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	19.819.500	3.175.000	190.420.000	213.414.500
Ông Đặng Hữu Thành - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	53.000.000	53.000.000
Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	6.587.675	3.150.000	165.705.000	175.442.675
Ông Trần Quốc Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	53.000.000	53.000.000
Ông Dư Thân Danh - Thành viên Hội đồng quản trị	18.173.250	-	101.450.000	119.623.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

	Tiền lương	Phụ cấp	Thưởng	Thu nhập thực nhận
đồng quản trị				
Ông Võ Hữu Tâm - Phó Tổng Giám đốc	12.251.875	5.435.000	165.420.000	183.106.875
Bà Nguyễn Minh Hiền - Trưởng Ban kiểm soát	11.215.000	3.275.000	99.945.000	114.435.500
Ông Võ Kim Thảo - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	24.500.000	24.500.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thành viên Ban kiểm soát	13.465.500	3.225.000	96.370.000	113.060.500
	86.127.890	21.535.000	1.395.050.000	1.502.712.890

Kỳ trước

Ông Lê Thành Nhơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	180.500.000	180.500.000
Bà Trần Thị Kim Huệ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	55.955.400	-	246.590.000	302.545.400
Ông Nguyễn Khắc Giang - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	37.590.000	-	210.050.000	247.640.000
Ông Đặng Hữu Thành - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	86.000.000	86.000.000
Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	32.220.000	-	176.150.000	208.370.000
Ông Trần Quốc Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	36.000.000	36.000.000
Ông Dư Thân Danh - Thành viên Hội đồng quản trị	24.165.000	-	105.000.000	129.165.000
Ông Võ Hữu Tâm - Phó Tổng Giám đốc	37.590.000	-	190.295.000	227.885.000
Bà Nguyễn Minh Hiền - Trưởng ban kiểm soát	16.110.000	-	111.850.000	127.960.000
Ông Võ Kim Thảo - Thành viên Ban kiểm soát	20.137.500	-	79.450.000	99.587.500
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thành viên Ban kiểm soát	16.110.000	-	93.850.000	109.960.000
Cộng	239.877.900	-	1.515.735.000	1.755.612.900

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ. Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	Cổ đông nắm giữ 20% vốn điều lệ của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn	Công ty con của Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn	Công ty con của Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên	Lãnh đạo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên là thành viên mật thiết trong gia đình với lãnh đạo Công ty Cổ phần Địa ốc 11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 04

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 04 (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thanh Niên		
Lãi chậm thanh toán	-	574.656.428
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn		
Lãi cho vay	23.527.778	-

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.6.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: xây lắp các công trình dân dụng.
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Đầu tư xây dựng và kinh doanh căn hộ, các hoạt động đầu tư bất động sản khác
- Các lĩnh vực khác: cho thuê kho, cửa hàng,...

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

 Hồ Thị Tuyền Người lập biểu	 Huỳnh Thị Yến Nhi Kế toán trưởng	 Trần Thị Kim Huệ Tổng Giám đốc
--	---	--

